

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Tươi;
- Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long Lê Phước Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài L, sinh năm 1993.

HKTT: Ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Long An

Bị đơn: Bà Đỗ Thúy D, sinh năm 1993.

HKTT: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Long An

(Ông L yêu cầu vắng mặt, bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoài L trình bày: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2015 ông Nguyễn Hoài L và bà Đỗ Thúy D đã xác lập quan hệ vợ chồng,

có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy CNKH số 11 ngày 24/12/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống tại xã M, huyện B, tỉnh Long An. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau nên đã ly thân hơn 03 năm nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay, mối quan hệ vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục được. Nay ông L yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thúy D. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Bị đơn bà Đỗ Thúy D đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà, các giấy báo phiên tòa nhưng không có mặt bất kỳ buổi làm việc nào, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

Biên bản làm việc đối với bà Nguyễn Thị T (chủ nhà trọ bà D đang thuê trọ): Bà là chủ nhà trọ của bà D đang ở. Bà D thuê trọ từ năm 2021, thời gian đầu hai vợ chồng sống chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn nên ông L dọn đi nơi khác chỉ còn lại một mình bà D thuê trọ. Việc Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng cho bà L tại phòng trọ thì bà L vẫn biết nhưng không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông L và bà D đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 24/12/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án ông L yêu cầu ly hôn với bà D. Bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt, không có ý kiến và không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy giữa ông L và bà D đã ly thân hơn 03 năm và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: ông L và bà D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hoài L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thúy D. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Ông Nguyễn Hoài L có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Đỗ Thúy D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông L thấy rằng: Ông Nguyễn Hoài L và bà Đỗ Thúy D xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 24/12/2015 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên là đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã ly thân hơn 03 năm nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, ông L xác định không còn tình cảm với bà D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy, giữa hai người đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Hoài L được ly hôn với bà Đỗ Thúy D.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Hoài L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài L đối với bị đơn bà Đỗ Thúy D.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Hoài L được ly hôn với bà Đỗ Thúy D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hoài L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007675 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Hoài L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
 - VKSND huyện Bến Lức;
 - Chi cục THADS huyện Bến Lức;
 - UBND xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
- (GCNKH số 11 ngày 24/12/2015);
- Đương sự;
 - Lưu./.

Hồ Thị Miên